

CTCP Nhựa Picomat (HNX: PCH)

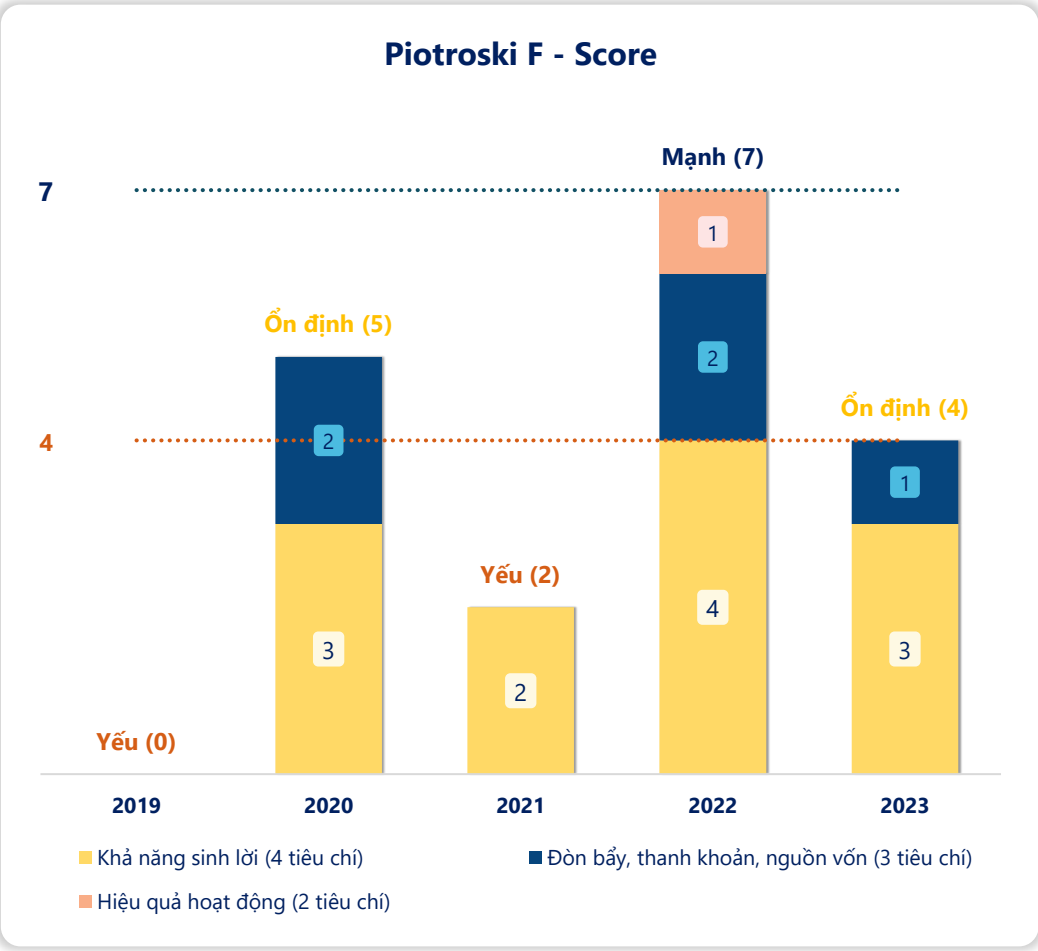
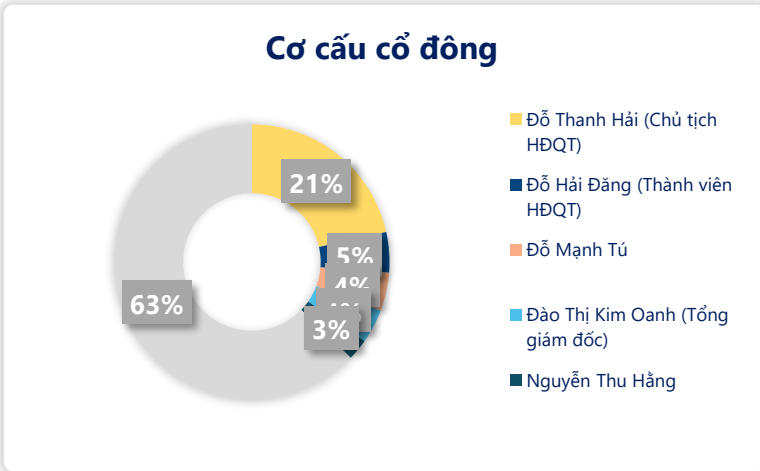
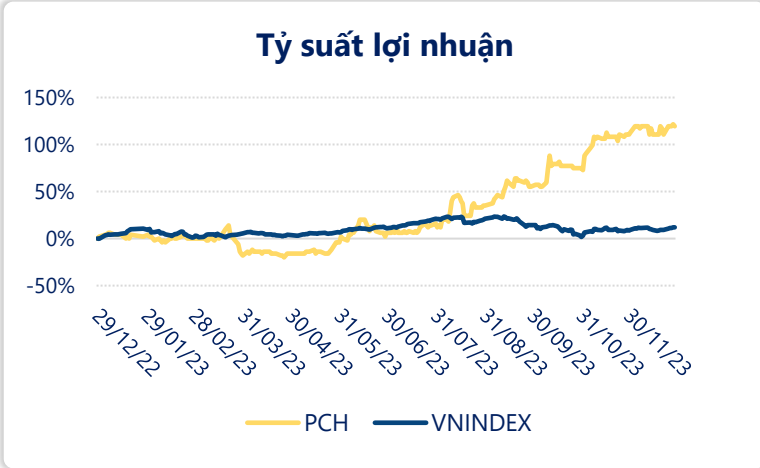
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	9,900 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	41.4%	95.8%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	4/9
2023	(Ổn định)

DT thuần	2023
125	YoY
tỷ VNĐ	▼ 27.0
	▼ 18.0%

LN sau thuế	2023
12.3	YoY
tỷ VNĐ	▼ 1.90
	▼ 13.3%

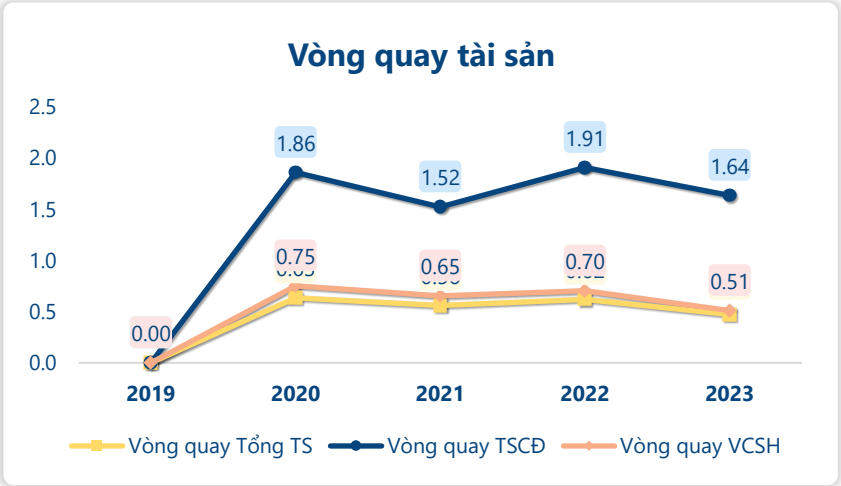
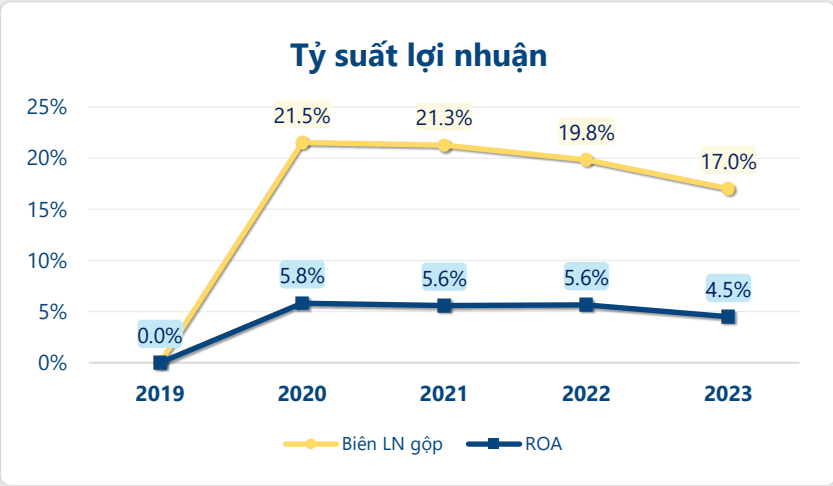
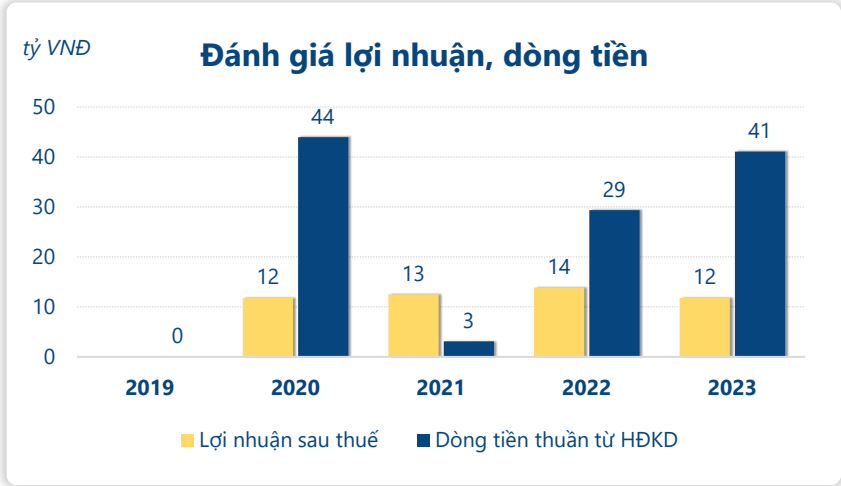


Năm **2023**, F-Score của **PCH** đạt **4/9** thấp hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá xấu đi, thuộc vùng "**Ổn định**".

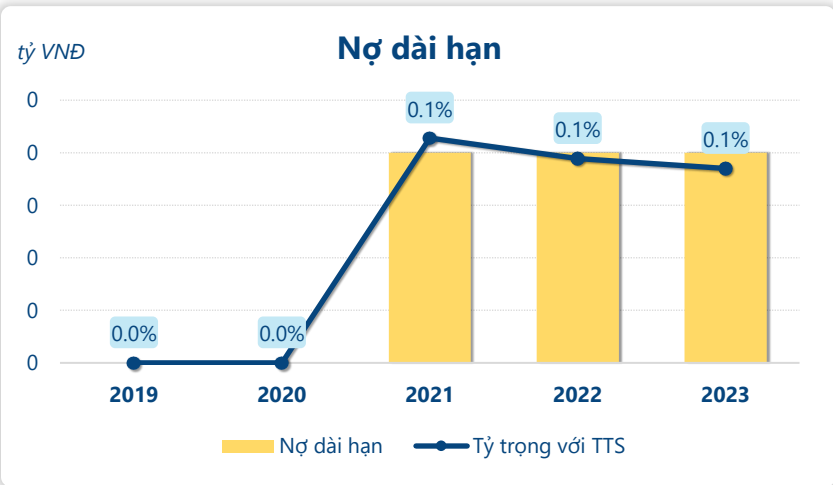
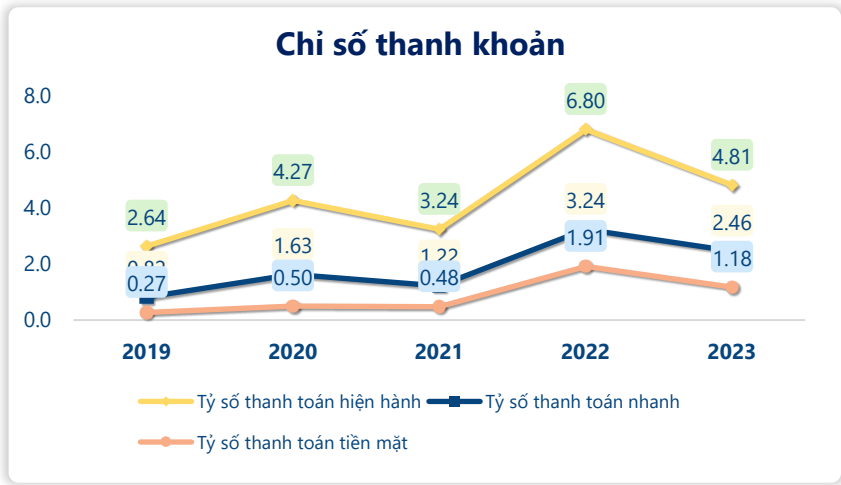
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **1/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Nhựa Picomat (HNX: PCH)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **PCH**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	270	257	5.1%
Tài sản ngắn hạn	97.8	130	-25.0%
Tiền và tương đương tiền	23.9	36.7	-34.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	20.5	7.4%
Phải thu ngắn hạn	3.13	2.69	16.4%
Hàng tồn kho	47.7	68.3	-30.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	2.17	-53.9%
Tài sản dài hạn	173	127	36.0%
Phải thu dài hạn	0	24.0	-100%
Tài sản cố định	74.2	78.1	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	76.5	0	
Tài sản dài hạn khác	8.94	9.69	-7.8%
Lợi thế thương mại	12.9	15.1	-14.3%
Nợ phải trả	20.5	19.4	6.0%
Nợ ngắn hạn	20.3	19.2	6.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.70	14.3	-39.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.02	2.07	287%
Nợ dài hạn	0.20	0.20	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	250	238	5.0%
Vốn chủ sở hữu	250	238	5.0%
Vốn điều lệ	220	200	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần		129	126	152	125
Giá vốn hàng bán		101	98.9	122	103
Lợi nhuận gộp		27.8	26.7	30.1	21.2
Doanh thu HĐTC		0.11	0.85	3.14	3.96
Chi phí TC		1.86	1.75	2.15	1.14
Chi phí lãi vay		1.78	1.72	2.12	1.08
LN trong công ty LKLD		0	0	0	3.51
Chi phí bán hàng		4.79	2.96	5.28	4.98
Chi phí QLDN		6.84	7.73	7.71	7.90
LN thuần từ HĐKD		14.4	15.1	18.1	14.7
Lợi nhuận khác		-0.06	-0.16	-0.01	0.36
LN trước thuế		14.3	15.0	18.1	15.0
Lợi nhuận sau thuế		12.0	12.6	14.2	12.3
LNST của CĐ cty mẹ		11.8	12.5	13.9	11.8

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	43.9	3.11	29.4	41.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-23.7	-3.90	-21.0	-48.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-19.3	7.39	9.86	-5.91
Tiền đầu kỳ	0	10.8	11.9	18.5	36.7
Lưu chuyển tiền thuần	0	0.94	6.60	18.2	-12.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	11.8	18.5	36.7	23.9